

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 61/2019/HSST
Ngày 29 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tường Lữ

Ông Vũ Kiêm Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nhân Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2019/TLST- HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2019/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T - Sinh ngày: 18/11/1962 tại huyện TT, tỉnh P.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu 5, xã X, huyện TT, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn Thết (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Ngẩn (Đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị Đông – sinh năm 1966 và có 02 con (lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1989); Tiền án, tiền sự: Không;

- Lịch sử bản thân: Tại bản án số 11/HS-ST ngày 07/11/2001 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P xử phạt 36 tháng tù về hai tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. T đã chấp hành xong hình phạt ngày 13/9/2004 và nộp xong án phí vào tháng 11/2005.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/10/2019, đến ngày 07/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

2. Nguyễn Văn N - Sinh ngày: 08/6/1967 tại huyện TT, tỉnh P. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu 6, xã X, huyện TT, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Bồng (Đã chết) và bà Ngô Thị Xuyên (Đã chết); Có vợ là Đặng Thị Lan – sinh năm 1968 và có 03 con (Lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1993); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/10/2019, đến ngày 07/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

3. Nguyễn Hùng K - Sinh ngày: 24/6/1978 tại huyện TT, tỉnh P. Nơi ĐKHKT và chỗ ở: Khu 7, xã X, huyện TT, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Chiến – sinh năm 1949 và bà Bùi Thị Kim Tuyền – sinh năm 1949; Có vợ là Trần Thị Thúy – sinh năm 1979 (Đã ly hôn) và có 02 con (Lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2011); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/10/2019, đến ngày 07/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện tại goại tại địa phương. (Có mặt).

4. Đỗ Văn H - Sinh ngày 25/10/1972 tại huyện TT, tỉnh P.

Nơi ĐKHKT và chỗ ở: Khu 6, xã X, huyện TT, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đỗ Văn Thuông (Đã chết) và bà Hà Thị Thức – sinh năm 1935; Có vợ là Phạm Thị Hằng – sinh năm 1973 và có 02 con (Lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1998); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/10/2019, đến ngày 07/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Trần Đức Tài, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu 5, xã X, huyện TT, tỉnh P. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 05/10/2019, Nguyễn Hùng K, Đỗ Văn H và Nguyễn Văn N cùng đến nhà ở của gia đình Trần Văn T ở khu 5, xã X, huyện TT, tỉnh P chơi. Khi cả nhóm đang ngồi uống nước, nói chuyện tại nhà T, N nói "làm tỷ mai ăn sáng" (ý rủ mọi người đánh bạc ăn tiền) thì K và H đồng ý, còn T nói là trên tầng 2 đã có sẵn bài. Sau đó T, N, K và H đi lên tầng 2, rồi K đi vào phòng thờ lấy 01 chiếu cói mang sang phòng ngủ tầng 2 trải ra nền nhà, còn T lấy 36 quân bài T lơ khơ (từ quân A đến quân 9) từ trên giường trong phòng ngủ để xuống chiếu cho N, K và H sử dụng làm công cụ đánh bạc. Về cách thức đánh bạc, các đối tượng thỏa thuận như sau: Người chia bài (hay còn gọi là người làm chương) sẽ dùng 36 quân bài T lơ khơ từ quân A đến quân 9 chia cho mỗi người chơi 3 quân bài. Sau khi nhận bài của mình người chơi lên bài rồi tính điểm để so sánh với chương. Cách tính điểm là lấy số điểm ở 3 quân bài (quân A tính 1 điểm, các quân còn lại điểm tương ứng với số ở trên quân bài) cộng với nhau rồi lấy chữ số hàng đơn vị làm điểm, nếu hàng đơn vị là số 0 thì tính là 10 điểm. Nếu bài có cùng số điểm thì so sánh chất của các quân bài với nhau theo thứ tự từ cao xuống thấp lần lượt là Rô, Cơ, Tép, Bích để xác định thắng thua. Nếu ai có điểm cao hơn chương thì được ăn tiền của chương, còn nếu thấp điểm hơn chương thì phải trả tiền cho chương. Mức đặt cược của mỗi người là 50.000 đồng/1 ván. Người có bài được 10 điểm cao nhất thì sẽ chờ thành người làm chương ván bài tiếp theo. Trong khi N, K và H đánh bạc thì T đứng cạnh xem. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 12 giờ cùng ngày thì anh Trần Đức Tài đi làm về thấy nên vào nhắc nhở và yêu cầu các đối tượng không được đánh bạc tại nhà mình nữa. Cùng lúc này, hành vi của các đối tượng bị Công an huyện TT phát hiện, bắt quả tang.

Về số tiền các đối tượng dùng vào việc đánh bạc, các đối tượng khai nhận như sau: Khi tham gia đánh bạc, N có 1.500.000đ, trong quá trình đánh bạc, do thua hết tiền nên N hỏi vay của T số tiền 2.000.000đ để đánh bạc thì T đồng ý cho N vay và

không tính lãi; K có 1.400.000đ dùng đánh bạc; H có khoảng gần 7.550.000đ, khi tham gia đánh bạc H lấy ra 1.700.000đ để sử dụng vào mục đích đánh bạc, số tiền còn lại H cất trong Ti quần và không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Do đó xác định số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.600.000đ.

Đối với anh Trần Đức Tài, là người có mặt khi Cơ quan điều tra bắt quả tang các đối tượng đánh bạc tại nhà ở của Trần Văn T, quá trình điều tra xác định anh Tài không tham gia đánh bạc cùng các đối tượng và không đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà ở của mình nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý anh Tài trong vụ án.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng lắp sim số 0379.610.290 và số tiền 420.000đ thu giữ của Trần Văn T; 01 chiếc điện thoại SamSung Galaxy J3 màu vàng lắp sim số 0387.703.684 thu giữ của Nguyễn Văn N; 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu bạc lắp sim số 0814.946.655 thu giữ của Nguyễn Hùng K; 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng lắp sim số 0977.499.412, 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 màu xanh lắp sim số 0967.818.958 và số tiền 5.850.000đ thu giữ của Đỗ Văn H; 300.000đ thu giữ của Trần Đức Tài. Quá trình điều tra xác định đây là những tài sản hợp pháp, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Các vật chứng còn lại gồm: 36 quân bài T lơ khơ (từ quân A đến quân 9), 01 chiếc còi đã cũ và số tiền 6.600.000đ.

Bản cáo trạng số: 62/CT-VKSTT ngày 18/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P đã truy tố các bị cáo: Trần Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hùng K và Đỗ Văn H về tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 - Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T; Căn cứ Khoản 1 Điều 321, điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N và K; Căn cứ Khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H. Xử phạt các bị cáo: Trần Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; Bị cáo Nguyễn Văn N từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; Bị cáo Nguyễn Hùng K từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Bị cáo Đỗ Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giữ cho các bị cáo N, K và H. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc còi đã cũ; 36 quân bài T lơ khơ (từ quân A đến quân 9). Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Người làm chứng vắng mặt. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt người làm chứng. Xét thấy người làm chứng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên toà, các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hùng K và Đỗ Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT đã truy tố, không oan sai. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với vật chứng thu được và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 05/10/2019, tại nhà ở của Trần Văn T ở khu 5, xã X, huyện TT, tỉnh P, bị cáo T đã đồng ý cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà rồi có hành vi chuẩn bị bài T lơ khơ cho Nguyễn Văn N, Nguyễn Hùng K và Đỗ Văn H đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh ba cây ăn tiền tại phòng ngủ tầng 2 nhà mình, bị Công an huyện TT bắt quả tang. Các bị cáo đã sử dụng số tiền để tham gia đánh bạc cụ thể như sau: Bị cáo N có 1.500.000đ, trong quá trình đánh bạc, do thua hết tiền nên N hỏi vay của bị cáo T số tiền 2.000.000đ để đánh bạc, T không tính lãi; Bị cáo K sử dụng 1.400.000đ; Bị cáo H có 7.550.000đ, khi tham gia đánh bạc H lấy ra 1.700.000đ để sử dụng vào mục đích đánh bạc, số tiền còn lại H cất trong Ti quần và không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Do đó xác định tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.600.000đ.(Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Hành vi đánh bạc của các bị cáo T, N, K và H đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt đến 03 năm tù.

Xét tính chất, mức độ, hành vi và vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính chất, mức độ của vụ án là ít nghiêm trọng. Tuy nhiên hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an ninh ở địa phương, đã xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống văn minh trong đời sống xã hội hiện nay, cũng như làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của các gia đình bị cáo và nhiều gia đình khác. Đây là vụ án đồng phạm với vai trò gián đơn. Đối với bị cáo T tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã dùng nhà ở của mình và chuẩn bị công cụ phương tiện cho các bị cáo N, K và H đánh bạc, đồng thời cho bị cáo N vay số tiền 2.000.000đ để đánh bạc. Hành vi của bị cáo T là hành vi Gá bạc nhưng chưa đến mức quy mô lớn, nên bị cáo T đồng phạm với vai trò giúp sức. Đối với bị cáo T, trước lần phạm tội này, tại bản án số 11 ngày 07/11/2001 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P xử phạt 36 tháng tù về hai tội "*Mua bán trái phép chất ma Ty*" và "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty*". Mặc dù đã được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó bị cáo phải chịu hình phạt nặng hơn các bị cáo khác. bị cáo N là người khởi xướng việc đánh bạc, nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo K và bị cáo H, bị cáo K và bị cáo H có vai trò ngang nhau nên chịu hình phạt ngang nhau.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đối với bị cáo T, đã chấp hành xong Bản án số 11 ngày 07/11/2001 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P vào ngày 13/9/2004. Theo quy định của pháp luật thì bị cáo T đã được xóa án tích đối với bản án nêu trên, nên lần phạm tội này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo T có bố đẻ là ông Trần Văn Thết là người có công với nước, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, bản thân bị cáo cũng là người có thành tích xuất sắc trong Quân đội được Bộ tư lệnh quân khu tặng danh hiệu Chiến sỹ Quyết thắng và được thưởng nhiều Giấy khen, Bằng khen. Do vậy bị cáo T được hưởng

01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, và các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Hùng K và Đỗ Văn H đều là những người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo N có bố đẻ là ông Nguyễn Văn Bồng, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; Bị cáo K có bố đẻ là ông Nguyễn Văn Chiến được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do vậy, bị cáo N và bị cáo K được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Bị cáo H được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo ít nghiêm trọng nên không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo T và hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo N, K và H cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương, các bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử xét miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Do các bị cáo không có việc làm ổn định, nên Hội đồng xét xử buộc các bị cáo N, K và H phải thực hiện lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ là phù hợp quy định tại khoản 4 điều 36 của bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên Hội đồng xét xử xét miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo là phù hợp.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp không liên quan đến vụ án gồm: Trả lại cho: Bị cáo T 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng, bên trong lắp sim số 0379.610.290 và số tiền 420.000đ (bốn trăm hai mươi nghìn đồng); bị cáo N 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J3 màu vàng lắp sim số 0387.703.684. bị cáo K 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu bạc lắp sim số 0814.946.655; bị cáo H 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng lắp sim số 0977.499.412, 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 màu xanh lắp sim số 0967.818.958 và số tiền 5.850.000đ (năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Và trả lại cho anh Trần Đức Tài số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), xét thấy là phù hợp do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2] Về vật chứng vụ án:

Đối với: 01 chiếc chiếu cói đã cũ; 36 quân bài T lơ khơ (từ quân A đến quân 9) của bị cáo T, là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với số tiền 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) là tiền do các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[3] Về án phí: Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hùng K và Đỗ Văn H phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự .

Tuyên bố các bị cáo: Trần Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hùng K và Đỗ Văn H phạm tội "*Đánh bạc*".

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321, Điều 65, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện TT, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321, Điều 36, điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (Từ 05/10/2019 đến ngày 07/10/2019), quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X, huyện TT, tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện TT, tỉnh P giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321, Điều 36, điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng K 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (Từ 05/10/2019 đến ngày 07/10/2019), quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X, huyện TT, tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện TT, tỉnh P giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321, Điều 36, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (Từ 05/10/2019 đến ngày 07/10/2019), quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X, huyện TT, tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện TT, tỉnh P giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Hùng K và Đỗ Văn H phải thực hiện lao động công ích phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, thời gian lao động phục vụ cộng đồng là 02 giờ trong một ngày và 05 ngày trong một tuần.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự .

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 chiếc chiếu cói đã cũ, 36 quân bài T lơ khơ (từ quân A đến quân 9) của bị cáo T.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện TT đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/11/2019.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hùng K và Đỗ Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, VKSND tỉnh
- CA huyện
- THAHS huyện
- Sở Tư pháp
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã X;
- Bị cáo
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng